

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐÃ HOÀN THÀNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/7/2023)

A. SỐ LIỆU TỔNG HỢP

I. Thông tin chung

1	Số chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá	1.218
2	Số chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	1.036
3	Số chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	864

II. Số lượng các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước

TT	Tên tổ chức KĐCLGD	CTĐT	
		Đánh giá	Công nhận
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)	341	297
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA)	136	108
3	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	160	132
4	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (CEA-UD)	69	57
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VU-CEA)	190	156
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG)	66	56
7	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	74	58
	Tổng	1.036	864

B. DANH SÁCH CHI TIẾT**1. Chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (GDDH)**

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	1.	Khai thác vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		2.	Kinh tế vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		3.	Kinh tế xây dựng	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội	6.	Tâm lý học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		7.	Việt Nam học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		8.	Quốc tế học	2018	4/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		9.	Lưu trữ học	2019	01/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		10.	Đô thị học	2021			Cập nhật 30/12/2021
		11.	Ngôn ngữ Nga	2021			Cập nhật 30/12/2021

		12.	Báo chí	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		13.	Quan hệ công chúng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		14.	Khoa học quản lý	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		15.	Tôn giáo học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		16.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		17.	Quản trị khách sạn	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		18.	Quản trị văn phòng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		19.	Đông phương học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		20.	Ngôn ngữ học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		21.	Triết học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		22.	Văn học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
3		23.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	8/2017	10/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/01/2018)	Cập nhật 31/01/2018

	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	24.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		25.	Sư phạm Toán học	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		26.	Sư phạm Ngữ văn	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		27.	Sư phạm Hoá học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		28.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		29.	Sư phạm Sinh học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		30.	Sư phạm Vật lý	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
4	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	31.	Tài chính - Ngân hàng	9/2017	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		32.	Kế toán	10/2017	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		33.	Kinh tế	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		34.	Kinh tế phát triển	2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (07/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		35.	Kinh tế quốc tế	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		36.	Quản trị kinh doanh	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022

5	Trường Đại học Vinh	37.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		38.	Ngôn ngữ Anh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 90% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		39.	Quản trị kinh doanh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		40.	Sư phạm Hóa	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		41.	Giáo dục Tiểu học	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 96% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		42.	Luật Kinh tế	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		43.	Giáo dục Mầm non	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		44.	Kế toán	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		45.	Sư phạm Ngữ văn	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 98% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		46.	Sư phạm Địa lý	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		47.	Công nghệ Thực phẩm	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		48.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		49.	Sư phạm Tiếng Anh	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		50.	Sư phạm Lịch sử	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		51.	Giáo dục thể chất	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		52.	Tài chính - Ngân hàng	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		53.	Kinh tế Xây dựng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		54.	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023

		55.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		56.	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		57.	Luật	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		58.	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		59.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		60.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		61.	Công tác xã hội	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		62.	Sư phạm Vật lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		63.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	64.	Sư phạm Hóa học (Chương trình chất lượng cao)	4/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		65.	Giáo dục Tiểu học	4/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		66.	Sư phạm Tin học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		67.	Sư phạm Sinh học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		68.	Sư phạm Tiếng Anh	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		69.	Giáo dục Mầm non	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		70.	Giáo dục Đặc biệt	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		71.	Công tác xã hội	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		72.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		73.	Tâm lý học giáo dục	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		74.	Sư phạm Vật lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		75.	Sư phạm Toán học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		76.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		77.	Sư phạm Lịch sử	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		78.	Sư phạm Địa lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		79.	Giáo dục thể chất	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		80.	Giáo dục công dân	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	81.	Điều dưỡng	12/2018	01/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (01/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		82.	Hộ sinh	3/2022	6/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		83.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	10/2022			Cập nhật 31/10/2022
8	Trường Đại học Sài Gòn	84.	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		85.	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		86.	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		87.	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		88.	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021

		89.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		90.	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		91.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		92.	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		93.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		94.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		95.	Quản lý Giáo dục	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		96.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		97.	Sư phạm Địa lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		98.	Sư phạm Vật lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		99.	Kế toán	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		100.	Giáo dục Mầm non	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		101.	Sư phạm Sinh học	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023

		102.	Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		103.	Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		104.	Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		105.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		106.	Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
9	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	107.	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		108.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		109.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA) 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		110.	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		111.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		112.	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

		113.	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		114.	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		115.	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		116.	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		117.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		118.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		119.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		120.	Ngôn ngữ Anh	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		121.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		122.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		123.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		124.	Công nghệ dệt, may	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		125.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		126.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		127.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		128.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		129.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		130.	An toàn thông tin	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/5/2023
		131.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/5/2023
		132.	Khoa học chế biến món ăn	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/5/2023
		133.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/5/2023
10	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	134.	Điều dưỡng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		135.	Y tế công cộng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		136.	Dược học	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
11	Trường Đại học Đồng Tháp	137.	Sư phạm Hóa học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		138.	Sư phạm Toán học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		139.	Giáo dục tiểu học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		140.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		141.	Giáo dục Chính trị	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		142.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		143.	Quản trị kinh doanh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		144.	Giáo dục thể chất	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		145.	Khoa học môi trường	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		146.	Ngôn ngữ Anh	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		147.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		148.	Khoa học máy tính	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		149.	Sư phạm Địa lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		150.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		151.	Sư phạm Vật lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		152.	Việt Nam học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		153.	Giáo dục Mầm non	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		154.	Kế toán	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		155.	Nông học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		156.	Sư phạm Âm nhạc	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		157.	Sư phạm Mỹ thuật	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		158.	Sư phạm Sinh học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		159.	Sư phạm Tin học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2023
12	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	160.	Sư phạm Ngữ văn	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		161.	Sư phạm Lịch sử	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		162.	Giáo dục mầm non	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		163.	Sư phạm Sinh học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		164.	Sư phạm Toán	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		165.	Sư phạm Hóa học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		166.	Sư phạm Vật lý	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		167.	Giáo dục chính trị	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		168.	Giáo dục Thể chất	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		169.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		170.	Sư phạm Địa lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		171.	Sư phạm tiếng Anh	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		172.	Sư phạm Tâm lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		173.	Sư phạm Tin học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		174.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		175.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		176.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		177.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
13	Trường Đại học Thủy lợi	178.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		179.	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		180.	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		181.	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		182.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		183.	Kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		184.	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		185.	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		186.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		187.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		188.	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		189.	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
14	Trường Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội	190.	Kinh doanh quốc tế	10/2018	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		191.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	4/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2022
15	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	192.	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		193.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		194.	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		195.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		196.	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		197.	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		198.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		199.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		200.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		201.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		202.	Việt Nam học	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		203.	Điều dưỡng	3/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		204.	Quản trị nhân lực	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		205.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 92% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		206.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		207.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
16	Trường Đại học Nam Cần Thơ	208.	Quản trị kinh doanh	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		209.	Dược học	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		210.	Luật Kinh tế	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		211.	Kỹ thuật xây dựng	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		212.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		213.	Công nghệ thông tin	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		214.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		215.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		216.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		217.	Luật	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		218.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		219.	Xét nghiệm y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
17	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	220.	Kế toán	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		221.	Quản trị kinh doanh	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		222.	Kỹ thuật địa chất	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		223.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		224.	Công nghệ thông tin	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		225.	Kỹ thuật Dầu khí	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		226.	Kỹ thuật Mỏ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		227.	Kỹ thuật Môi trường	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020

		228.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		229.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		230.	Kỹ thuật Xây dựng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		231.	Kỹ thuật điện	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		232.	Kỹ thuật cơ khí	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		233.	Quản lý đất đai	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
18	Trường Đại học Y Dược - ĐH Quốc gia Hà Nội	234.	Dược học	01/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		235.	Y khoa	02/2020	5/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
19	Trường Đại học Tài chính - Marketing	236.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		237.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		238.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		239.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		240.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		241.	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		242.	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		243.	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		244.	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		245.	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		246.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		247.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		248.	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		249.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		250.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		251.	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		252.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		253.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		254.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023

		255.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		256.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		257.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
20	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	258.	Bác sỹ chuyên khoa I	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2019
		259.	Y học Dự phòng (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		260.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
21	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	261.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		262.	Công nghệ thực phẩm	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		263.	Công nghệ thông tin	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		264.	Kế toán	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		265.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		266.	Công nghệ Chế tạo máy	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		267.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		268.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		269.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		270.	Quản trị kinh doanh	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		271.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
22	Trường Đại học Hà Nội	272.	Công nghệ thông tin	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		273.	Ngôn ngữ Nhật	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		274.	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		275.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		276.	Ngôn ngữ Đức	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		277.	Ngôn ngữ Pháp	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		278.	Quản trị kinh doanh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		279.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		280.	Kế toán	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		281.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
23	Trường Đại học Nha Trang	282.	Công nghệ chế biến thủy sản	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		283.	Kỹ thuật tàu thủy	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		284.	Công nghệ sinh học	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		285.	Nuôi trồng thủy sản	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		286.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		287.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		288.	Quản trị khách sạn	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		289.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
24	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	290.	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		291.	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		292.	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		293.	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		294.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		295.	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		296.	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		297.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		298.	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		299.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		300.	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		301.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		302.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		303.	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		304.	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		305.	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		306.	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		307.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		308.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		309.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		310.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		311.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		312.	An toàn thông tin	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		313.	Quản trị khách sạn	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		314.	Thiết kế đồ họa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		315.	Thú y	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		316.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	317.	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		318.	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		319.	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		320.	Kế toán	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		321.	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		322.	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		323.	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		324.	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		325.	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		326.	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		327.	Luật quốc tế	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		328.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		329.	Thương mại điện tử	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		330.	Quan hệ Quốc tế	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		331.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		332.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
26	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	333.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		334.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		335.	Công nghệ Thông tin	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		336.	Khí tượng Thủy văn học	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		337.	Kế toán	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		338.	Kỹ thuật địa chất	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		339.	Quản lý đất đai	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		340.	Quản lý biển	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		341.	Quản lý tài nguyên và môi trường	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		342.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		343.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		344.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

27	Trường Đại học Thủ Dầu Một	345.	Sư phạm Ngữ văn	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		346.	Sư phạm Lịch sử	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		347.	Giáo dục Tiểu học	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		348.	Giáo dục Mầm non	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		349.	Giáo dục học	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		350.	Quản lý Tài nguyên - Môi trường	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		351.	Luật	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		352.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		353.	Công tác xã hội	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		354.	Kiến trúc	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		355.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		356.	Quản lý nhà nước	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		357.	Quản lý công nghiệp	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		358.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		359.	Quản lý đất đai	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		360.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		361.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		362.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		363.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		364.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		365.	Hệ thống thông tin	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		366.	Khoa học môi trường	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		367.	Kế toán	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
28	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	368.	Kế toán	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		369.	Quản trị kinh doanh	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		370.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		371.	Tài chính - Ngân hàng	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		372.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		373.	Công nghệ Thực phẩm	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		374.	Công nghệ Dệt, may	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		375.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		376.	Công nghệ thông tin	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		377.	Kinh doanh thương mại	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		378.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		379.	Ngôn ngữ Anh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		380.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		381.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		382.	Công nghệ Sợi, dệt	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		383.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
29	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	384.	Sư phạm Hóa học	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		385.	Sư phạm Ngữ văn	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		386.	Sư phạm Địa lý	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		387.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		388.	Giáo dục Chính trị	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 92% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		389.	Giáo dục mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
30	Trường Đại học Tây Đô	390.	Quản trị Kinh doanh	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		391.	Kế toán tổng hợp	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		392.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		393.	Dược học	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		394.	Luật Kinh tế	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021

		395.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		396.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		397.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		398.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		399.	Điều dưỡng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		400.	Công nghệ thông tin	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		401.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
31	Trường Đại học Thương mại	402.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		403.	Marketing	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		404.	Tài chính - Ngân hàng	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		405.	Kế toán (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		406.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		407.	Kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		408.	Luật kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		409.	Thương mại điện tử	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		410.	Hệ thống thông tin quản lý	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		411.	Quản trị nhân lực	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		412.	Quản trị kinh doanh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		413.	Quản trị khách sạn	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		414.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		415.	Kinh doanh quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		416.	Kinh tế quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		417.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
32	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	418.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
		419.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
33	Trường Đại học Ngoại thương	420.	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		421.	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		422.	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		423.	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		424.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		425.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		426.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		427.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		428.	Kinh tế đối ngoại	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		429.	Ngân hàng	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		430.	Tài chính quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		431.	Thương mại quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
34	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	432.	Công nghệ thông tin	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		433.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		434.	Giáo dục Tiểu học	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		435.	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		436.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		437.	Giáo dục mầm non	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		438.	Thú Y	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
35	Trường Đại học Quy Nhơn	439.	Sư phạm Toán học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		440.	Sư phạm Hóa học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 82% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		441.	Kỹ thuật điện	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		442.	Giáo dục Tiểu học	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		443.	Giáo dục Mầm non	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		444.	Kế toán	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		445.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021

		446.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		447.	Ngôn ngữ Anh	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		448.	Quản lý Nhà nước	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		449.	Giáo dục Thể chất	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		450.	Công tác xã hội	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		451.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		452.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		453.	Khoa học Dữ liệu (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		454.	Sư phạm Ngữ văn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		455.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		456.	Quản trị khách sạn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		457.	Nông học	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
36	Trường Đại học Lâm nghiệp	458.	Quản trị kinh doanh	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		459.	Quản lý tài nguyên rừng	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		460.	Quản lý đất đai	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		461.	Công nghệ sinh học	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		462.	Công nghệ chế biến lâm sản	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		463.	Kỹ thuật xây dựng	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021

		464.	Lâm sinh	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		465.	Kế toán	8/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		466.	Thiết kế nội thất	8/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		467.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		468.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
37	Học viện Chính sách và Phát triển	469.	Kinh tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		470.	Kinh tế Quốc tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		471.	Quản trị kinh doanh	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		472.	Tài chính - Ngân hàng	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		473.	Quản lý nhà nước	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
38	Trường Đại học Hòa Bình	474.	Công nghệ Thông tin	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		475.	Tài chính - Ngân hàng	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		476.	Thiết kế đồ họa	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		477.	Quan hệ công chúng	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		478.	Kế toán	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		479.	Quản trị Kinh doanh	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		480.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
39	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	481.	Kinh tế học	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		482.	Quản trị Khách sạn	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		483.	Kinh doanh quốc tế	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		484.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		485.	Marketing	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		486.	Quản trị công và Chính sách bằng tiếng Anh	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		487.	Kinh tế phát triển	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		488.	Kinh tế đầu tư	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		489.	Quản trị nhân lực	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		490.	Kinh tế và Quản lý đô thị	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		491.	Hệ thống thông tin quản lý học	12/2021	3/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 82% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		492.	Bảo hiểm	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 28/02/2023
		493.	Kinh tế nông nghiệp	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 28/02/2023
		494.	Thống kê kinh tế	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 28/02/2023

		495.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 28/02/2023
		496.	Luật	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 28/02/2023
40	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	497.	Công nghệ thông tin	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		498.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		499.	Kinh tế vận tải	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		500.	Kinh tế xây dựng	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		501.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		502.	Kỹ thuật xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		503.	Kỹ thuật điện	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		504.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
41	Trường Đại học Văn Lang	505.	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		506.	Quản trị Khách sạn	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		507.	Ngôn ngữ Anh	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		508.	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		509.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		510.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		511.	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		512.	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		513.	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		514.	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		515.	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		516.	Quan hệ Công chúng	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		517.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		518.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		519.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
42	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	520.	Công nghệ Thông tin	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		521.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 88% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
43	Trường Đại học Sur phạm Kỹ thuật Hưng Yên	522.	Công nghệ thông tin	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		523.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

		524.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		525.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		526.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		527.	Công nghệ chế tạo máy	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		528.	Công nghệ may	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		529.	Kế toán	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		530.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		531.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	532.	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		533.	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		534.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
45	Trường Đại học Cần Thơ	535.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		536.	Sư phạm tiếng Anh	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		537.	Sư phạm Hóa học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		538.	Sư phạm Sinh học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		539.	Sư phạm Vật lý	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		540.	Kỹ thuật Cơ khí	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		541.	Sư phạm Ngữ văn	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		542.	Luật	10/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		543.	Văn học	12/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		544.	Kỹ thuật xây dựng	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		545.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		546.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		547.	Kỹ thuật vật liệu	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		548.	Triết học	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		549.	Hóa dược	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/6/2023
		550.	Kế toán	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
		551.	Quản trị kinh doanh	11/2022			Cập nhật 30/11/2022

		552.	Giáo dục thể chất	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
46	Trường Đại học Phan Thiết	553.	Quản trị kinh doanh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		554.	Quản trị khách sạn	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		555.	Công nghệ thông tin	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		556.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		557.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		558.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		559.	Tài chính - Ngân hàng	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		560.	Luật kinh tế	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
47	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	561.	Kỹ thuật Xây dựng	9/2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
48	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	562.	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		563.	Luật Thương mại quốc tế	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		564.	Quản trị - Luật	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		565.	Quản trị kinh doanh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		566.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

		567.	Luật (chất lượng cao)	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		568.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		569.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
49	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	570.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
50	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	571.	Điều dưỡng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		572.	Dược học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		573.	Răng hàm mặt	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		574.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		575.	Y học dự phòng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		576.	Y học cổ truyền	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		577.	Y khoa	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		578.	Y tế công cộng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
51	Trường Đại học Văn Hiến	579.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		580.	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		581.	Đông phương học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		582.	Tâm lý học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		583.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 88% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		584.	Ngôn ngữ Nhật	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		585.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		586.	Văn học	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
52	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	587.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		588.	Kiểm toán	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		589.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		590.	Công nghệ Thông tin	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		591.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		592.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		593.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		594.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		595.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		596.	Quản trị kinh doanh	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		597.	Hệ thống thông tin	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		598.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		599.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		600.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		601.	Quản trị nhân lực	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		602.	Công nghệ dệt, may	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		603.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		604.	Thiết kế thời trang	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		605.	Kỹ thuật phần mềm	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		606.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		607.	Quản trị khách sạn	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		608.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		609.	Kế toán	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		610.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		611.	Marketing	3/2023			Cập nhật 31/3/2023

53	Trường Đại học Hà Tĩnh	612.	Giáo dục mầm non	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		613.	Giáo dục chính trị	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		614.	Kế toán	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		615.	Công nghệ thông tin	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		616.	Ngôn ngữ Anh	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
54	Trường Đại học Thăng Long	617.	Quản trị kinh doanh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		618.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		619.	Khoa học máy tính	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		620.	Điều dưỡng	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		621.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		622.	Kế toán	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		623.	Tài chính - Ngân hàng	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		624.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		625.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/11/2022
		626.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/11/2022

55	Trường Đại học Phenikaa	627.	Dược học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		628.	Điều dưỡng	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		629.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		630.	Kế toán	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		631.	Quản trị kinh doanh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		632.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		633.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		634.	Công nghệ vật liệu	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		635.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ);	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
56	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	636.	Công nghệ Thông tin	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		637.	Tâm lý học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		638.	Công nghệ Sinh học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		639.	Giáo dục Chính trị	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		640.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		641.	Sư phạm Lịch sử	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		642.	Công tác xã hội	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		643.	Giáo dục Mầm non	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		644.	Sư phạm âm nhạc	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		645.	Sư phạm Địa lý	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
57	Học viện Ngoại giao	646.	Quan hệ Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		647.	Kinh tế Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		648.	Luật Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		649.	Truyền thông Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		650.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
58	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	651.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	12/2020	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
59	Trường Đại học Hoa Lư	652.	Giáo dục Mầm Non	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		653.	Kế toán	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		654.	Giáo dục Tiểu học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		655.	Quản trị kinh doanh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		656.	Giáo dục Tiểu học	11/2022			Cập nhật 30/11/2022

		657.	Quản trị kinh doanh	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
60	Trường Đại học Hồng Đức	658.	Sư phạm Tiếng Anh	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		659.	Giáo dục tiểu học	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		660.	Sư phạm Toán	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		661.	Sư phạm Ngữ văn	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		662.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		663.	Quản trị kinh doanh	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		664.	Sư phạm Địa lý	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		665.	Công nghệ thông tin	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		666.	Luật	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		667.	Kế toán	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		668.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		669.	Giáo dục thể chất	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		670.	Chăn nuôi	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		671.	Giáo dục Mầm non	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		672.	Khoa học máy tính	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		673.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		674.	Sư phạm Sinh học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		675.	Sư phạm Vật lý	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		676.	Sư phạm Hóa học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		677.	Tài chính - Ngân hàng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		678.	Du lịch	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
61	Trường Đại học Sao Đỏ	679.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		680.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		681.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		682.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		683.	Công nghệ thông tin	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		684.	Quản trị kinh doanh	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
62	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	685.	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		686.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		687.	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		688.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		689.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		690.	Công nghệ sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		691.	Công tác xã hội	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		692.	Đông Nam Á học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		693.	Luật	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		694.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		695.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		696.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		697.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		698.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/3/2023
63	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	699.	Ngôn ngữ Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		700.	Sư phạm tiếng Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022

64	Học viện Hàng không Việt Nam	701.	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		702.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		703.	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
65	Trường Đại học Tân Trào	704.	Giáo dục Mầm non	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		705.	Giáo dục Tiểu học	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		706.	Kế toán	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
66	Trường Đại học Công đoàn	707.	Quản trị kinh doanh	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		708.	Quản trị nhân lực	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		709.	Xã hội học	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		710.	Bảo hộ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		711.	Công tác xã hội	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		712.	Tài chính - Ngân hàng	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		713.	Kế toán	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		714.	Luật	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		715.	Quan hệ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		716.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		717.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		718.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		719.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		720.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
67	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	721.	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		722.	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
68	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	723.	Khoa học cây trồng	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		724.	Nuôi trồng thủy sản	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		725.	Quản lý đất đai	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		726.	Phát triển nông thôn	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		727.	Thú y	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		728.	Công nghiệp thực phẩm	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
69	Trường Đại học Y tế công cộng	729.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (17/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		730.	Y tế công cộng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		731.	Công tác xã hội	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		732.	Dinh dưỡng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
70	Trường Đại học Tiền Giang	733.	Công nghệ thông tin	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		734.	Công nghệ thực phẩm	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		735.	Kế toán	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		736.	Quản trị Kinh doanh	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		737.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		738.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		739.	Giáo dục Mầm non	01/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 95,34% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
71	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	740.	Luật	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		741.	Luật Kinh tế	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

72	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	742.	Quản lý Giáo dục	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		743.	Giáo dục Tiểu học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		744.	Ngôn ngữ Trung Quốc	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		745.	Giáo dục Mầm non	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		746.	Giáo dục công dân	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		747.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		748.	Việt Nam học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
73	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	749.	Quan hệ quốc tế	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		750.	Triết học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		751.	Xã hội học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		752.	Quan hệ công chúng	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		753.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		754.	Kinh tế chính trị	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		755.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		756.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		757.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		758.	Quảng cáo	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		759.	Xuất bản	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
74	Trường Đại học Mở Hà Nội	760.	Công nghệ Sinh học	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		761.	Luật kinh tế	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		762.	Quản trị Kinh doanh	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		763.	Công nghệ thông tin	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		764.	Công nghệ thực phẩm	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		765.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		766.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		767.	Kế toán	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		768.	Thương mại điện tử	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		769.	Tài chính - Ngân hàng	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		770.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		771.	Luật	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023

		772.	Luật quốc tế	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		773.	Kiến trúc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		774.	Ngôn ngữ Trung quốc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
		775.	Ngôn ngữ Anh	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/5/2023
75	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	776.	Công nghệ thông tin	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		777.	Quản trị kinh doanh	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		778.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		779.	Kỹ thuật môi trường	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		780.	Kỹ thuật cơ khí	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		781.	Kinh tế vận tải	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		782.	Kỹ thuật tàu thủy	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		783.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
76	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	784.	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		785.	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		786.	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		787.	Kế toán	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		788.	Kinh doanh quốc tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
		789.	Luật Kinh tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
77	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	790.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		791.	Điều dưỡng	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		792.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		793.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		794.	Y học cổ truyền	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
78	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	795.	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		796.	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		797.	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		798.	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		799.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		800.	Thiết kế thời trang	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
79	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	801.	Kế toán	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		802.	Kinh tế đầu tư	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		803.	Tài chính doanh nghiệp	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 94% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
80	Trường Đại học Tây Nguyên	804.	Công nghệ sinh học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		805.	Giáo dục tiểu học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		806.	Quản trị kinh doanh	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		807.	Sư phạm tiếng Anh	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		808.	Y khoa	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		809.	Giáo dục Thể chất	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		810.	Sư phạm Ngữ văn	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		811.	Sư phạm Vật lý	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		812.	Sư phạm Toán học	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		813.	Sư phạm Hoá học	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		814.	Lâm sinh	6/2022			Cập nhật 31/7/2023

		815.	Thú y	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		816.	Giáo dục Chính trị	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
		817.	Điều Dưỡng	6/2022			Cập nhật 31/7/2023
81	Trường Đại học Đông Á	818.	Quản trị kinh doanh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		819.	Ngôn ngữ Anh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		820.	Kế toán	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
82	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	821.	Quản lý nhà nước	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		822.	Quản lý văn hóa	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		823.	Lưu trữ học	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
83	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	824.	Khoa học cây trồng	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		825.	Công nghệ thực phẩm	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		826.	Kế toán	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		827.	Thú y	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		828.	Quản lý đất đai	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
84	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	829.	Sư phạm Toán học	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		830.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		831.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		832.	Giáo dục Mầm non	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		833.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		834.	Giáo dục công dân	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		835.	Giáo dục thể chất	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		836.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		837.	Sư phạm Hóa học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		838.	Sư phạm Sinh học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		839.	Sư phạm Vật lý	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		840.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		841.	Lý luận văn học	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		842.	Ngôn ngữ Việt Nam	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		843.	Văn học Việt Nam	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
85	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	844.	Y khoa	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022

		845.	Dược sĩ	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		846.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		847.	Nội khoa (Thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		848.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		849.	Y học cổ truyền	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		850.	Điều dưỡng	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		851.	Nhi khoa	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		852.	Răng hàm mặt	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		853.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
86	Trường Đại học Đà Lạt	854.	Luật	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		855.	Công tác xã hội	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		856.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		857.	Đông phương học	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022

		858.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
87	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	859.	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		860.	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		861.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		862.	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		863.	Tài chính - Ngân hàng	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		864.	Truyền thông đa phương tiện	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		865.	Ngôn ngữ Anh	3/2022	6/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		866.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		867.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		868.	Luật kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		869.	Quan hệ quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

88	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	870.	Công tác xã hội	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		871.	Khoa học quản lý	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		872.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		873.	Luật	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
89	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	874.	Kế toán	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		875.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		876.	Quản trị kinh doanh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		877.	Tài chính - Ngân hàng	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	878.	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		879.	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		880.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		881.	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		882.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		883.	Hệ thống thông tin	8/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		884.	Quản lý đất đai	8/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022

91	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	885.	Sư phạm Âm nhạc	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		886.	Sư phạm Mỹ thuật	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		887.	Thiết kế đồ hoạ	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		888.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
92	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	889.	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		890.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		891.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		892.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		893.	Công nghệ thông tin	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
93	Học viện Ngân hàng	894.	Ngân hàng	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		895.	Tài chính	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		896.	Kế toán	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		897.	Quản trị doanh nghiệp	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		898.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		899.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		900.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		901.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
94	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	902.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		903.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		904.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		905.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		906.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		907.	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		908.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		909.	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
95	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	910.	Luật	01/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
96	Trường Đại học Hạ Long	911.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		912.	Khoa học máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		913.	Ngôn ngữ Anh	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		914.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023

		915.	Quản lý tài nguyên và môi trường	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		916.	Quản trị khách sạn	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		917.	Quản lý văn hóa	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		918.	Ngôn ngữ Nhật	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		919.	Ngôn ngữ Trung Quốc	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		920.	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
97	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	921.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		922.	Điều dưỡng đa khoa	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
		923.	Dược học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		924.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		925.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		926.	Y khoa	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
98	Trường Đại học Lao động - Xã hội	927.	Bảo hiểm	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		928.	Quản trị nhân lực	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		929.	Kế toán	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		930.	Công tác xã hội	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		931.	Quản trị kinh doanh	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		932.	Tâm lý học	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		933.	Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		934.	Luật Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
99	Học viện Tài chính	935.	Kế toán	01/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
100	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	936.	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		937.	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		938.	Lưu trữ học	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		939.	Hàn Quốc	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		940.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		941.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		942.	Ngôn ngữ học	3/2023			
		943.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	3/2023			
		944.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	3/2023			

		945.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023			
		946.	Báo chí	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		947.	Quan hệ quốc tế	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		948.	Triết học	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
101	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	949.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		950.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		951.	Hóa học	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		952.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		953.	Kế toán	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		954.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
102	Trường Đại học Cửu Long	955.	Công nghiệp thực phẩm	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		956.	Luật kinh tế	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		957.	Quản trị kinh doanh	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		958.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		959.	Điều dưỡng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		960.	Tài chính ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		961.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		962.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		963.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		964.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		965.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		966.	Kế toán	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		967.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
103	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	968.	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		969.	Đạo diễn điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		970.	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		971.	Huấn luyện múa	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		972.	Nhiếp ảnh báo chí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		973.	Diễn viên Chèo	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		974.	Đạo diễn truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

		975.	Âm thanh điện ảnh - truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
104	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	976.	Công nghệ thực phẩm	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		977.	Hệ thống thông tin	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		978.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		979.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		980.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
		981.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/5/2023
105	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	982.	Quản trị kinh doanh	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		983.	Kế toán	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		984.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
		985.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/3/2023
106	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	986.	Tài chính – Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		987.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
107	Trường Đại học Điện lực	988.	Điện tử viễn thông	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		989.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		990.	Quản trị kinh doanh	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		991.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		992.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		993.	Tài chính - Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		994.	Quản lý năng lượng	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
		995.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
108	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	996.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		997.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		998.	Kế toán	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		999.	Quản trị kinh doanh	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1000.	Công nghệ kĩ thuật Điện – Điện tử	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1001.	Marketing	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
109	Trường Đại học Hải Phòng	1002.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1003.	Kế toán doanh nghiệp	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1004.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

110	Trường Đại học Quảng Bình	1005.	Giáo dục Tiểu học	5/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		1006.	Công nghệ thông tin	5/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		1007.	Ngôn ngữ Anh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
		1008.	Quản trị kinh doanh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2022
111	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1009.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1010.	Điều dưỡng	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1011.	Công nghệ thông tin	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1012.	Công nghệ sinh học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1013.	Quan hệ công chúng.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1014.	Đông phương học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1015.	Kiến trúc	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1016.	Ngôn ngữ Anh.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1017.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
		1018.	Dược học.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/5/2023
112	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1019.	Sư phạm Mỹ thuật	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

	Thanh Hóa	1020.	Giáo dục Mầm non	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1021.	Sư phạm Âm nhạc	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1022.	Quản lý nhà nước	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1023.	Quản trị khách sạn	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
		1024.	Luật	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
		1025.	Ngôn ngữ Anh	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
		1026.	Thanh nhạc	01/2023			Cập nhật 31/01/2023
113	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1027.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1028.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1029.	Hệ thống thông tin	6/2022			Cập nhật 30/6/2022
		1030.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
		1031.	Công nghệ thông tin	02/2023	7/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/7/2023
114	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1032.	Kiến trúc	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1033.	Kỹ thuật xây dựng	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1034.	Quản trị kinh doanh	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1035.	Thiết kế Nội thất	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1036.	Kế toán	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1037.	Tài chính ngân hàng	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1038.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
115	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1039.	Y khoa	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1040.	Dược học	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
116	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1041.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1042.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1043.	Kỹ thuật phần mềm	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1044.	Quản trị kinh doanh	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1045.	Điều dưỡng	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
117	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1046.	Dược học	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1047.	Luật kinh tế	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
118	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1048.	Công tác xã hội	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022

		1049.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1050.	Công nghệ sinh học	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1051.	Công nghệ thực phẩm	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1052.	Thú Y	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1053.	Kỹ thuật điện (CTĐT thạc sĩ)	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
119	Trường Đại học Thành Đô	1054.	Công nghệ thông tin	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1055.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1056.	Dược học	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1057.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2022
		1058.	Việt Nam học	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		1059.	Quản trị kinh doanh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		1060.	Quản lý kinh tế	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
120	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	1061.	Hóa học	8/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 98% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1062.	Sinh học	8/2022	12/2022 (CEA- THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1063.	Khoa học Môi trường	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
121	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1064.	Quản lý văn hóa	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		1065.	Thông tin - Thư viện	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		1066.	Văn hóa học	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
122	Trường Đại học Gia Định	1067.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 80% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1068.	Tài chính – Ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1069.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1070.	Kế toán	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1071.	Luật	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1072.	Công nghệ thông tin	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
		1073.	Kỹ thuật phần mềm	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2023
123	Trường Đại học Kiên Giang	1074.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1075.	Công nghệ thực phẩm	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		1076.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1077.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1078.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1079.	Sư phạm Toán học	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1080.	Luật	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1081.	Nuôi trồng thủy sản	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1082.	Quản trị kinh doanh	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1083.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
124	Trường Đại học Thái Bình	1084.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1085.	Kế toán	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1086.	Kinh tế	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1087.	Quản trị kinh doanh	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
125	Trường Đại học Bình Dương	1088.	Quản trị kinh doanh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1089.	Tài chính - Ngân hàng	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1090.	Ngôn ngữ Anh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

126	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1091.	Kỹ thuật cơ khí	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1092.	Kỹ thuật Điện	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1093.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1094.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
127	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1095.	Việt Nam học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1096.	Sư phạm Sinh học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1097.	Sư phạm Lịch sử	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1098.	Sư phạm Địa lý	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
128	Trường Đại học Đại Nam	1099.	Dược học	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1100.	Quản trị kinh doanh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1101.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1102.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
129	Trường Du lịch - Đại học Huế	1103.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2022	3/2023 (VNU-CEA)	86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
130	Trường Đại học Khoa học- Đại học Huế	1104.	Công nghệ thông tin	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1105.	Báo chí	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1106.	Kiến trúc	11/2022	01/2023 CEA- THANGLONG	Đạt 86% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
131	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1107.	Ngôn ngữ Hàn quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1108.	Ngôn ngữ Nhật bản	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1109.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1110.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1111.	Ngôn ngữ Nga	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1112.	Sư phạm tiếng Pháp	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1113.	Sư phạm tiếng Trung Quốc	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1114.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1115.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1116.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1117.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1118.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1119.	Quốc tế học (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1120.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA- THANGLONG)	Đạt 90% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023

132		1121.	Hệ thống thông tin	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1122.	Công nghệ kĩ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1123.	Kĩ thuật Máy tính	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
133	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1124.	Ngôn ngữ Nhật	11/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		1125.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		1126.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
		1127.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 28/02/2023
134	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1128.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1129.	Công nghệ thông tin	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1130.	Kế toán	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1131.	Quản trị kinh doanh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1132.	Đông Phương học	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1133.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
135	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1134.	Quản lý công nghiệp	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2026

		1135.	Công nghệ may	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2026
136	Trường Đại học Quảng Nam	1136.	Giáo dục Tiểu học	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1137.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1138.	Ngôn ngữ Anh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
137	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà nẵng	1139.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	12/2022			
		1140.	Khoa học y sinh	12/2022			
		1141.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	12/2022			
138	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng	1142.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1143.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1144.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1145.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1146.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1147.	Tài chính ngân hàng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1148.	Quản trị kinh doanh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1149.	Kinh tế	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

139	Trường Đại học Khánh Hòa	1150.	Sư phạm Toán học	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
		1151.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	3/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/03/2023
140	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1152.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2023
		1153.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2023
		1154.	Công nghệ thông tin	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2023
141	Trường Đại học Luật Hà Nội	1155.	Luật	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1156.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1157.	Luật Kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1158.	Luật Thương mại quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
142	Trường Đại học Thái Bình Dương	1159.	Du lịch	01/2023			
		1160.	Luật	01/2023			
		1161.	Quản trị kinh doanh	01/2023			
143	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1162.	Dược sĩ	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
144	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1163.	Kiến trúc	02/2023			Cập nhật 28/02/2023

		1164.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1165.	Quy hoạch vùng và đô thị	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1166.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1167.	Thiết kế thời trang	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1168.	Công nghệ thông tin	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1169.	Thiết kế đồ họa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1170.	Kinh tế xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1171.	Điêu khắc	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1172.	Thiết kế nội thất	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
145	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	1173.	Luật kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1174.	Quản lý kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
146	Trường Đại học Trà Vinh	1175.	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	02/2023	4/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/4/2023
147	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1176.	Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		1177.	Ngôn ngữ Anh	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		1178.	Luật kinh tế	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023

		1179.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		1180.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
		1181.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2023
148	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1182.	Kế toán	02/2023			
		1183.	Quản trị kinh doanh	02/2023			
		1184.	Thú y	02/2023			
149	Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	1185.	Quản lý Thể dục Thể thao	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1186.	Huấn luyện Thể thao	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		1187.	Giáo dục Thể chất	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
150	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1188.	Luật	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
		1189.	Quản trị kinh doanh	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
		1190.	Công tác xã hội	4/2023	7/2023 (CEA- THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2023
151	Trường Đại học Đồng Nai	1191.	Sư phạm Toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1192.	Sư phạm Ngữ văn	5/2023			Cập nhật 31/5/2023

		1193.	Ngôn ngữ Anh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1194.	Kế toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1195.	Quản trị kinh doanh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
152	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1196.	Kế toán	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1197.	Thương mại điện tử	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1198.	Toán kinh tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1199.	Tài chính - Ngân hàng	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1200.	Kinh doanh quốc tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1201.	Quản trị kinh doanh	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
		1202.	Marketing	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2023
153	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1203.	Quản trị kinh doanh	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		1204.	Công nghệ thông tin	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		1205.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7/2023			Cập nhật 31/7/2023

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	1.	Giáo dục Tiểu học	3/2020			Cập nhật 31/3/2020
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2.	Giáo dục Mầm non	5/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 83,72% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	3.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	4.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	5.	Giáo dục Mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	6.	Giáo dục Mầm non	11/2021	3/2022 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	7.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	8.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
9	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	9.	Giáo dục Mầm non	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
10	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	10.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 83,7% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	11.	Giáo dục Mầm non	11/2022			Cập nhật 30/11/2022

12	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	12.	Giáo dục Mầm non				Cập nhật 31/5/2023
13	Trường Cao đẳng Bến Tre	13.	Giáo dục Mầm non	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

(Danh sách có 1.218 CTĐT, trong đó 1205 CTĐT các trình độ của GDDH và 13 CTĐT trình độ CĐSP)